

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 1 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí đợt 1 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 1903-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí.
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 22/02/2025 đến ngày 22/3/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Lương Mai Anh	08.7.1973	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004075	NVQLNNBC1/2025.01	
2	Nguyễn Đức Bình	05.5.1980	Phú Thọ	Nam	Kinh	HBT/BD 004076	NVQLNNBC1/2025.02	
3	Vũ Mạnh Dũng	10.8.1973	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004077	NVQLNNBC1/2025.03	
4	Bùi Hồng Hà	01.7.1984	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004078	NVQLNNBC1/2025.04	
5	Bùi Thanh Hải	27.9.1982	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004079	NVQLNNBC1/2025.05	
6	Nguyễn Thị Hằng	24.02.1978	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 004080	NVQLNNBC1/2025.06	
7	Đào Văn Hoàn	21.11.1981	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004081	NVQLNNBC1/2025.07	
8	Hoàng Trọng Hùng	23.9.1969	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	HBT/BD 004082	NVQLNNBC1/2025.08	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
9	Lê Thị Thanh Hương	01.4.1973	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004083	NVQLNNBC1/2025.09	
10	Nguyễn Huy Hưởng	13.5.1973	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004084	NVQLNNBC1/2025.10	
11	Hoàng Kim Khuyên	24.12.1985	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004085	NVQLNNBC1/2025.11	
12	Nguyễn Trung Kiên	28.6.1978	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004086	NVQLNNBC1/2025.12	
13	Nguyễn Thành Lê	30.7.1979	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004087	NVQLNNBC1/2025.13	
14	Nguyễn Nhất Linh	11.9.1989	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004088	NVQLNNBC1/2025.14	
15	Phạm Thị Thảo Linh	09.10.1990	Bến Tre	Nữ	Kinh	HBT/BD 004089	NVQLNNBC1/2025.15	
16	Biện Thị Luân	01.5.1984	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 004090	NVQLNNBC1/2025.16	
17	Dương Chí Nam	14.4.1971	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004091	NVQLNNBC1/2025.17	
18	Phạm Thị Thúy Nga	09.9.1976	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004092	NVQLNNBC1/2025.18	
19	Nguyễn Thanh Phong	01.8.1963	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004093	NVQLNNBC1/2025.19	
20	Trần Thị Phụng	22.02.1976	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004094	NVQLNNBC1/2025.20	
21	Cao Minh Quân	18.6.1982	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004095	NVQLNNBC1/2025.21	
22	Đinh Ngọc Quý	25.7.1977	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004096	NVQLNNBC1/2025.22	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
23	Nguyễn Ngọc Quỳnh	03.01.1975	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004097	NVQLNNBC1/2025.23	
24	Đan Anh Tài	24.11.1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	HBT/BD 004098	NVQLNNBC1/2025.24	
25	Nguyễn Hữu Tân	10.02.1992	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004099	NVQLNNBC1/2025.25	
26	Đoàn Lê Hoàng Tân	06.7.1987	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004100	NVQLNNBC1/2025.26	
27	Lê Cao Thắng	03.5.1975	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004101	NVQLNNBC1/2025.27	
28	Vũ Thắng	22.12.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004102	NVQLNNBC1/2025.28	
29	Vũ Thị Thái Thanh	28.8.1984	Bình Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004103	NVQLNNBC1/2025.29	
30	Nguyễn Quảng Thúc	03.12.1983	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004104	NVQLNNBC1/2025.30	
31	Trần Lê Thủy	07.9.1976	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004105	NVQLNNBC1/2025.31	
32	Nguyễn Thị Thu Trang	16.4.1964	Phú Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004106	NVQLNNBC1/2025.32	
33	Hoàng Đăng Trị	10.6.1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004107	NVQLNNBC1/2025.33	
34	Lê Hồng Trường	28.3.1965	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004108	NVQLNNBC1/2025.34	
35	Bùi Đăng Tuấn	04.4.1971	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004109	NVQLNNBC1/2025.35	
36	Nguyễn Minh Tuấn	28.4.1964	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 004110	NVQLNNBC1/2025.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
37	Lê Anh Tuấn	16.7.1979	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 004111	NVQLNNBC1/2025.37	
38	Trần Việt Tuấn	15.4.1977	Phú Thọ	Nam	Kinh	HBT/BD 004112	NVQLNNBC1/2025.38	

Tổng số: 38 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025
K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang